

Số: 03/2025/QĐST-DS

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 14/2025/TLST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng SHB); địa chỉ: số 77 T, phường T, quận H (nay là phường C), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà Ngô Thu H. Chức danh: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn A. Chức danh: Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Bình Thuận (theo Văn bản uỷ quyền số 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/7/2023).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Vương Đình H, ông Nguyễn Văn H, ông Ngô Duy P, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Vũ Bảo T,

bà Huỳnh Lê Kiều L, ông Ngô Đình L (*theo Giấy uỷ quyền số 02/2025/UQ-SHB ngày 14/02/2025*); địa chỉ liên lạc: 211-213-215 đường V, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (*nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng*).

1.2. *Bị đơn*: Công ty cổ phần O; địa chỉ: khu biệt thự N, số 91 đường H, Phường Y, thành phố Đ (*nay là phường X*), tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Anh T – Chức vụ: Giám đốc.

1.3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1959; địa chỉ: số 128/5/3 đường N, Phường A, quận G (*nay là phường G*), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn Công ty Cổ phần O đồng ý trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2025 là 24.066.782.201đồng, trong đó: nợ gốc 12.000.000.000đồng; lãi trong hạn: 731.917.576đồng; lãi quá hạn 11.099.070.785đồng; lãi chậm trả 235.793.840đồng (*theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 031/2020/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 10/3/2020; Khế ước nhận nợ số 01-031/2020/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 12/3/2020; Khế ước nhận nợ số 02-031/2020/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 13/3/2020*).

Công ty Cổ phần O đồng ý tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 031/2020/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 10/3/2020; Khế ước nhận nợ số 01-031/2020/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 12/3/2020; Khế ước nhận nợ số 02-031/2020/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 13/3/2020 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty Cổ phần O kể từ ngày 13/9/2025 cho đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ông Nguyễn Anh T đồng ý tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 14/12/2018, số công chứng: 12838, quyền số 13TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trương Văn Cương, tỉnh Bình Thuận và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: PL 02 - 107/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 10/03/2020, số công chứng: 01884, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trương Văn Cương, tỉnh Bình Thuận (*đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Bắc ngày 14/12/2018*) giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Anh T để đảm bảo cho khoản nợ vay của Công ty Cổ phần O.

Trường hợp Công ty Cổ phần O không trả được nợ hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì ông Nguyễn Anh

T đồng ý trả nợ thay trong phạm vi bảo lãnh tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 14/12/2018, số công chứng: 12838, quyền số 13TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trương Văn Cương, tỉnh Bình Thuận và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: PL 02 - 107/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 10/03/2020, số công chứng: 01884, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trương Văn Cương, tỉnh Bình Thuận. Khi ông Nguyễn Anh T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 14/12/2018, số công chứng: 12838, quyền số 13TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trương Văn Cương, tỉnh Bình Thuận và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: PL 02 - 107/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 10/03/2020, số công chứng: 01884, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trương Văn Cương, tỉnh Bình Thuận để thi hành án.

2.2. *Về án phí*: bị đơn Công ty Cổ phần O nhận chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.033.391đ (*Sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi ba ngàn ba trăm chín mươi một đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 65.454.716đ (*Sáu mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm mười sáu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001853 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2.3. *Về chi phí tố tụng*: bị đơn Công ty Cổ phần O nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.600.000đ (*Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*). Do nguyên đơn đã tạm ứng trước nên buộc bị đơn Công ty Cổ phần O phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 6.600.000đ (*Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được

sửa đổi bổ sung năm 2015; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Hoàng